



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Ø ngoài	6 mm
bán kính uốn liên quan đến dòng chảy	26 mm
Ø trong	4 mm
Bán kính uốn tối thiểu	10 mm
Lưu ý áp dụng	TPE-U Ether dựa trên
Đặc tính ống	thích hợp cho máng xích
Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh	-0.095 MPA...0.6 MPA -0.95 bar...6 bar -13.775 psi...87 psi
Áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ	-0.095 MPA...1 MPA -0.95 bar...10 bar -13.775 psi...145 psi
Lưu ý về áp suất vận hành	Nước: áp suất vận hành phụ thuộc vào nhiệt độ, xem sơ đồ, tối đa 0,3 MPa ở 0 - 60 °C
Giấy phép	TÜV
Cơ quan cấp chứng chỉ	B 013277 0527 00
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-] Nước (chất lỏng, không có đá)
Kiểm tra độ cháy vật liệu	UL94 HB
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)
Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14	Phần tử được cài đặt tĩnh, không thể đánh giá phù hợp theo ISO 14644-1
Phù hợp với thực phẩm	xem thông tin tài liệu bổ sung
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-35 °C...60 °C
Trọng lượng sản phẩm theo chiều dài	0.0183 kg/m
Cổng nối khí nén	cho cổng nối cắm bên ngoài Ø 6 mm đối với núm cắm bên trong Ø 4 mm với đai ốc ren
Màu sắc	màu đỏ mờ
Độ cứng Shore	D 52 +/-3
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu ống	TPE-U(PU)